

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục
Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6211/TTr-SXD ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc phê duyệt dự án Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa tại xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Việt Hưng 68.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học cho thầy và trò của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; đồng thời khắc phục tình trạng hư hỏng, chống xuống cấp các công trình.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế

Xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, bao gồm các hạng mục: Phá dỡ nhà hội trường và nhà lớp học 02 tầng 04 phòng; xây mới nhà xưởng thực hành 02 tầng 06 phòng; xây mới nhà hội trường 250 chỗ và mua sắm trang thiết bị cho hội trường; sửa chữa, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học thực hành 02 tầng 06 phòng; cải tạo và nâng cấp khuôn viên trường; đầu tư hệ thống PCCC cho công trình mới và công trình cải tạo. Giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

8.1. Hạng mục: Phá dỡ hiện trạng:

- Phá dỡ nhà hội trường hiện trạng có kích thước (38 x 16) m, nhà có kết cấu khung BTCT lắp ghép, mái lợp tôn.
- Phá dỡ nhà lớp học 2 tầng 4 phòng có kích thước (13,5 x 7,8) m, nhà kết cấu khung BTCT chịu lực, mái lợp tôn chống nóng.
- Phá dỡ toàn bộ lan can cầu, tường kê đến cos đáy hồ.

8.2. Hạng mục: Xây mới nhà xưởng thực hành 02 tầng 06 phòng:

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích; chiều cao công trình là 10,15 m (tính từ mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái) trong đó chiều cao tầng 1, tầng 2 là 3,6m, mái cao 2,5 m. Giao thông đứng trong công trình bằng 02 cầu thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

- Mặt bằng tầng 1 và tầng 2 đều bố trí: 03 phòng thực hành; 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Tường xây gạch không nung; trát trong và ngoài nhà; lăn sơn trực tiếp; Nền, sàn các tầng lát gạch ceramic kích thước (600 x 600) mm; Khu vệ sinh: lát gạch ceramic kích thước (300 x 300) mm chống trơn, tường ốp gạch ceramic kích thước (300 x 600) mm, trần khu vệ sinh bằng trần nhựa tấm thả; mái xây tường thu hồi, xà gồ bằng thép hộp, phía trên lợp tôn chống nóng dày 0,4 mm.

- Lan can trước nhà bằng sắt hộp, tay vịn bằng ống thép D60 sơn tĩnh điện. Cầu thang bộ: Bản thang đỡ BTCT tại chỗ, bậc xây gạch đặc không nung, mặt bậc cổ bậc ốp đá granite; lan can bằng Inox. Bậc tam cấp xây gạch đặc không nung,

mặt bậc, cổ bậc lát đá granite.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính dày 6,38 mm. Hoa sắt cửa sổ dùng thép hộp.

b) Giải pháp kết cấu:

- Kết cấu móng: Sử dụng giải pháp móng băng BTCT trên nền đất tự nhiên. Bê tông móng, dầm, giằng móng sử dụng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ.

- Kết cấu nhà: Sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực. Cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện chung của trường.

- Hệ thống chống sét được thiết kế bảo đảm theo quy định.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Nước cấp vào công trình được lấy từ bể nước ngầm của trường cấp lên 01 bể inox đặt trên mái và dẫn xuống các khu vệ sinh.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

8.3. Hạng mục: Xây mới Nhà hội trường 250 chỗ:

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật; chiều cao công trình là 8,6 m, trong đó chiều cao tầng 1 là 5,35 m, mái cao 2,5 m.

- Mặt bằng bố trí: hội trường 250 chỗ + sân khấu; 01 phòng chuẩn bị; 01 phòng kỹ thuật; 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt; 01 sảnh chính, 02 sảnh phụ và hành lang 2 bên.

- Tường xây gạch không nung; trát trong và ngoài nhà; lăn sơn trực tiếp; Nền, sàn lát gạch ceramic kích thước (600 x 600) mm, khu vệ sinh lát gạch ceramic kích thước (300 x 300) mm chống trơn, làm mới trần khu vệ sinh bằng trần nhựa; mái lợp tôn chống nóng, xà gồ, vì kèo thép. Phòng hội trường đóng trần thạch cao.

- Lan can trước nhà bằng sắt hộp sơn tĩnh điện; bậc tam cấp xây gạch đặc không nung, mặt bậc, cổ bậc lát đá granite.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính dày 6,38 mm. Hoa sắt cửa sổ dùng thép hộp.

b) Giải pháp kết cấu.

- Kết cấu móng: Xử lý một phần đất yếu bằng đệm cát. Sử dụng giải pháp móng đơn dưới chân cột kết hợp với móng đá dưới giằng móng. Bê tông móng, dầm, giằng sử dụng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ.

- Kết cấu phân thân: Sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực. Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ; kết hợp vì kèo thép hình đặt trên cột.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện chung của trường.
- Hệ thống chống sét được thiết kế bảo đảm theo quy định.

d) Giải pháp cấp thoát nước.

- Nước cấp vào công trình được lấy từ bể nước ngầm của trường cấp lên bể inox đặt trên mái. Nước từ téc mái xuống các khu vệ sinh qua hệ thống ống đứng.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

8.4. Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học thực hành 2 tầng 6 phòng:

8.4.1. Sửa chữa, cải tạo Nhà hiệu bộ:

- Đục bỏ toàn bộ lớp vữa trát trong và ngoài nhà (trừ phòng Hiệu trưởng không bóc bỏ lớp trát trong); trát lại và lăn sơn hoàn thiện.

- Bóc bỏ toàn bộ gạch lát nền tầng 1, tầng 2; lát lại bằng gạch ceramic kích thước (600x600) mm.

- Phòng vệ sinh: Bóc bỏ toàn bộ gạch lát nền và gạch ốp tường; lát lại nền bằng gạch ceramic kích thước (300 x 300) mm chống trơn, ốp tường bằng gạch ceramic kích thước (300 x 600) mm cao sát trần thạch cao; thi công mới trần khu vệ sinh bằng trần nhựa; lắp đặt mới đường điện, nước và thay thế các thiết bị vệ sinh bị hư hỏng.

- Đục bỏ lớp granito của tam cấp và cầu thang, ốp lại bằng đá granite.

- Thi công mới trần phòng họp bằng trần nhựa, lắp đặt mới đường dây cấp điện và thay thế một số thiết bị điện phòng họp.

- Xây bít ô cửa sổ phòng hiệu trưởng.

- Thay thế toàn bộ cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; đánh gi và sơn lại toàn bộ hoa sắt cửa sổ.

8.4.2. Sửa chữa, cải tạo Nhà thực hành 2 tầng 6 phòng:

- Phá dỡ tường sê-nô trực 8, sau đó xây hoàn trả bằng gạch không nung và trát hoàn thiện.
- Bóc bỏ lớp trát cũ cao 1,0 m tại chân tường trong và ngoài nhà, sau đó trát lại hoàn thiện; cạo bỏ lớp sơn cũ toàn bộ trong và ngoài nhà, trám vá các vị trí bong tróc lớp trát, sơn hoàn thiện toàn bộ công trình.
- Thay thế toàn bộ cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; đánh gi và sơn lại toàn bộ hoa sắt cửa sổ.
- Xây bịt cửa sổ vị trí đầu hồi nhà.
- Bóc bỏ gạch lát nền tầng 1, lát lại nền bằng gạch ceramic kích thước (600 x 600) mm;
- Thay thế các thiết bị điện hư hỏng.

8.5. Hạng mục: Cải tạo và nâng cấp khuôn viên trường:

- San lấp ao cũ, vật liệu san lấp tận dụng khối lượng phá dỡ.
- Cải tạo nâng cao thành rãnh, thay mới một số tấm đan các rãnh thoát nước hiện trạng và xây mới rãnh thoát nước tại một số vị trí có kích thước (300 x 400) mm.
- Cấp nước ngoài nhà: Nguồn nước lấy từ hệ thống nước sạch chung của khu vực cấp vào bể nước sạch của trường.
- Cấp điện ngoài nhà: Hệ thống cấp điện ngoài nhà được lấy từ nguồn điện chung của trường, cấp cho Nhà hội trường xây mới, Nhà xưởng thực hành xây mới và Nhà lớp học thực hành cải tạo. Dây điện được đi ngầm trong hào cáp.
- Hồ nước: Kè lại bờ bao; xây dựng cầu bắc qua hồ. Vía hè xung quanh hồ lát đá xanh đen kích thước (300 x 300 x 30) mm.
- Cải tạo biểu tượng trường: Bóc bỏ toàn bộ lớp trát ngoài và trát lại; đắp mới các biểu tượng. Khối đế được xây mới và ốp đá Granite.
- Sân lát gạch Terrazzo tại 02 khu vực.
- Xây mới các hố trồng cây loại 1 kích thước (1,2 x 1,2) m và hố trồng cây loại 2 kích thước (1,5 x 1,5) m.

8.6. Hạng mục: Bể PCCC và nhà bơm:

- Xây dựng mới bể chứa nước ngầm.
- Nhà bơm được xây dựng trên nắp bể phòng cháy với kích thước (4,0 x 4,0) m; tường xây gạch không nung, trát và lăn sơn trực tiếp; mái BTCT đá 1x2 M200; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ.

8.7. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Gồm các lăng trụ; đường ống; các hộp, bình phòng cháy chữa cháy và hệ thống báo cháy, chuông báo...

8.8. Mua sắm trang thiết bị cho hội trường và hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 6107/SXD-HĐXD ngày 25/7/2025.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 19.988.817.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	14.837.818.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	2.032.266.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	489.849.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	2.292.997.000	đồng;
- Chi phí khác	:	109.336.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	226.551.000	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

12. Nguồn vốn: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 6107/SXD-HĐXD ngày 25/7/2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CNXDKH_{HĐXD_TM.55}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	13.637.227.750	1.200.590.284	14.837.818.000
II	Chi phí thiết bị	1.874.139.700	158.126.176	2.032.266.000
III	Chi phí quản lý dự án	489.848.984		489.849.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.496.647.316	119.731.785	2.292.997.000
1	Chi phí lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500			676.620.000
2	Chi phí khảo sát địa chất công trình	254.294.000	20.343.520	274.638.000
3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	445.759.000	35.660.720	481.420.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán	66.879.000	5.350.320	72.229.000
5	Chi phí thẩm định giá	42.977.000	3.438.160	46.415.000
6	Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường	14.756.000	1.180.480	15.936.000
7	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình	140.754.000	11.260.320	152.014.000
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	54.685.283	4.374.823	59.060.000
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	6.878.093	550.247	7.428.340
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	426.572.484	34.125.799	460.698.000
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	15.818.000	1.265.440	17.083.000
12	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT	27.274.456	2.181.956	29.456.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
V	Chi phí khác	106.756.862	2.579.073	109.336.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	10.909.782	872.783	11.783.000
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	1.798.994		1.799.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	72.719.462		72.719.000
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	21.328.624	1.706.290	23.034.914
VI	Chi phí dự phòng			226.551.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			226.551.000
	Tổng cộng	17.604.620.612	1.481.027.318	19.988.817.000